TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày: 29-3-2022
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hà

2. Ông Phạm Bá Luyến.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022 /QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thơm - Sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn 7, xã Nga Thái, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

***** Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hương - Sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn 8, xã Nga Thái, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2021, nguyên đơn trình bày: Do có quan hệ hàng xóm, ngày 02/7/2020, chị Nguyễn Thị Hương đến gia đình bà hỏi vay số tiền 45.000.000đ. Đến ngày 15/8/2020, chị Hương lại xuống vay bà số tiền 23.000.000đ. Khi vay chị Hương nói là để phát triển kinh tế, lãi suất thỏa thuận theo Ngân hàng và hứa trong 05 tháng sẽ trả toàn bộ gốc và lãi.Đến hạn, nhiều lần bà hỏi nhưng chị Hương không có động thái trả nợ. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Hương trả tiền nợ gốc là 68.000.000đ; về lãi suất: bà yêu cầu tính từ ngày 02/7/2020 đến ngày 02/12/2021 là 17 tháng mức lãi suất là 1%/tháng, bằng 11.560.000đ.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 28/12/2021, bà Thơm trình bày: bà yêu cầu chị Hương trả tiền nợ gốc là 68.000.000đ; về lãi suất: bà yêu cầu tính từ ngày 02/7/2020 đến nay, mức tính là 1%/tháng.

Tại đơn đề nghị ngày 16/01/2022, về tiền nợ gốc bà vẫn giữ nguyên như yêu cầu; về lãi bà đồng ý cho chị Hương và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ngày 24/01/2022, bà Thơm trình bày: theo giấy biên nhận đề ngày 15/7/2020, bà và chị Hương cùng viết vào giấy vay, cụ thể: từ dòng thứ 1 đến dòng thứ 8 là do bà trực tiếp viết; từ dòng thứ 9 đến dòng 12 là chữ chị Hương viết; từ dòng thứ 13 đến dòng thứ 16 là do chữ bà viết (nhưng không liên quan đến nội dung bà yêu cầu giải quyết trong vụ án). Về nội dung vay tiền: chị Hương viết vay của bà Cương (ghi theo tên của chồng bà), thực tế là bà cho chị Hương vay tiền. Về thời gian ghi trên giấy biên nhận: Bà viết từ dòng thứ 4 ghi "ngày 15/7/2020" và dòng thứ 6 ghi "2/7/2020"; chị Hương ghi dòng thứ 9 " ngày 1/7/2020".

Ngày 31/01/2022, bà Thơm có đơn trình bày: Do trình độ bà có hạn nên khi bà và chị Hương cùng viết trên "giấy biên nhận" phần ghi của bà không ghi rõ là lịch âm hay lịch dương và cũng không để ý ngày chị Hương viết nên mới không thống nhất về ngày, tháng vay. Thực tế, giấy biên nhận đề ngày 15/7/2020 là ngày dương lịch, ghi ngày vay lần 1 là 02/7/2020 (là ngày dương lịch); lần 2 tuy không ghi vào giấy biên nhận nhưng trong đơn khởi kiện ghi vay ngày là 15/8/2020 (là ngày dương lịch), tức là ngày 26/6 âm lịch. Phần chị Hương ghi ngày vay là 1/7/2020. Về phần cuối của giấy biên nhận, bà và chị Hương đều không có ký bên vay, bên cho vay nhưng bà và chị Hương đều viết số tiền chị Hương nợ bà là 68.000.000đ. Việc chị Hương nói đã trả hết nợ gốc cho bà, chỉ nợ lại 23.000.000đ tiền lãi là bà không đồng ý. Bà yêu cầu chị Hương có trách nhiệm trả tổng số tiền gốc vay cho bà là 68.000.000đ.

* Tại bản tự khai ngày 05/01/2022, chị Hương trình bày: Đầu năm 2019, chị có vay của bà Thơm (tức bà Cương) số tiền 70.000.000đ, lãi suất 3000đ/1 triệu/ 1 ngày. Hàng tháng chị trả lãi đầy đủ cho bà Thơm là 6.300.000đ. Đến cuối năm 2019, chị trả cho bà Thơm 25.000.000đ, và nợ lại bà Thơm tiền gốc là 45.000.000đ. Năm 2020, do gia đình gặp khó khăn nên không thanh toán lãi đầy đủ được, chị có trả cho bà Thơm 1 hoặc 2 tháng lãi là 4.050.000đ. Tháng 7/2020, bà Thơm đến nhà đòi chị trả tiền nợ gốc và lãi, chị khất xin bà Thơm thời gian để thu xếp. Sau đó bà Thơm viết giấy biên nhận chị còn nợ 45+23 (triệu đồng), số tiền 23 triệu đồng là tiền lãi trong thời gian chị không thanh toán. Tháng 5/2020, chị trả 20.000.000đ và cuối năm 2020, chị trả bà Thơm 25.000.000đ và nói với bà Thơm là cho chị trả vào tiền nợ gốc của 45.000.000đ (không có giấy tờ ghi gì) nhưng bà Thơm đòi trừ vào tiền lãi của những tháng trước đó chị chưa thanh toán. Nay bà Thơm yêu cầu chị trả nợ tổng cộng 68.000.000đ tiền nợ gốc là chị không đồng ý, chị chỉ còn nợ lại 23.000.000đ tiền lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/01/2022, chị Nguyễn Thị Hương có ý kiến: từ năm 2019, tôi đã nhiều lần vay của bà Thơm, mỗi lần vay 10.000.000đ hoặc 20.000.000đ; tổng cộng là 70.000.000đ. Cuối năm 2019, đã trả được 25.000.000đ; tổng cộng nợ gốc là 45.000.000đ. Lãi suất chị vẫn trả đều cho bà Thơm đến tháng 2/2020.Từ tháng 3/2020 đến tháng 7/2020 chị và bà Thơm chốt còn nợ 45.000.000đ (gốc) và 23.000.000đ (lãi), tổng cộng là 68.000.000đ(có giấy biên nhận).Từ 7/2020 đến tháng 12/2020, chị trả cho bà Thơm là 25.000.000đ, chị nói bà Thơm là chị trả số tiền này vào tiền nợ gốc (không có giấy tờ thể hiện việc trả gì) và không có ai làm chứng. Số tiền nợ gốc còn 20.000.000đ đến tháng 5/2021, chị trả cho bà Thơm

20.000.000đ tiền gốc (khi trả không có giấy tờ viết tay) nên chị không còn nợ tiền gốc của bà Thơm.Về tiền lãi chị còn nợ bà Thơm là 23.000.000đ và tiền lãi tính từ tháng 7/2020 cho đến nay là chị chưa thanh toán cho bà Thơm. Chị đề nghị Tòa án tính toán để chị trả tiền lãi theo quy định.

Tại đơn trình bày, đề ngày 25/02/2022, chị Hương có ý kiến: Về số tiền vay, thời gian vay, các lần trả, số tiền trả gốc và chốt số tiền lãi còn nợ chị đã trình bày cụ thể trong bản tự khai, biên bản hòa giải. Số tiền chị viết nợ bà Thơm trong giấy biên nhận đề ngày 15/7/2020, chị có ý kiến như sau: Từ dòng thư 1 đến dòng thứ 8 của giấy biên nhận và từ dòng thứ 13 đến dòng thứ 16 là chữ của bà Thơm (Cương) viết. Từ dòng thứ 9 đến dòng thứ 12 là chữ chị viết, riêng số "020" dòng thứ 9, do bà Thơm viết thêm vào, chị không viết nhưng chị thống nhất năm nợ là vào năm 2020, với số tiền chốt (45 +23)= 68 triệu. Tuy chị không ghi rõ tiền gốc, tiền lãi, thực tế 45 triệu là tiền nợ gốc +23 triệu là tiền nợ lãi. Cuối trang giấy biên nhận chị và bà Thơm không ghi bên vay, bên cho vay và ký vào giấy nhưng nội dung chốt đều đúng với việc vay nợ giữa chị và bà Thơm.

Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự theo quy định. Tòa án ra thông báo số 02/TB-TA, ngày 13/01/2022 về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ của yêu cầu đối với bị đơn liên quan đến số tiền chị Hương trình bày đã trả các lần vào tiền nợ gốc cho bà Thơm. Hết thời hạn yêu cầu của Tòa án, chị Hương không cung cấp được giấy tờ chứng minh về việc trả nợ tiền cho bà Thơm.

Do giấy biên nhận tiền lập ngày 15/7/2020 của các đương sự có chữ viết của bà Thơm và chị Hương nên Tòa án đã tiến hành đối chất với các đương sự theo quy định.Tại biên bản đối chất ngày 25/02/2022, bà Thơm và chị Hương đều thống nhất "Giấy biên nhận", đề ngày 15/7/2020 như sau: Từ dòng thứ 1 đến dòng thứ 8 của giấy biên nhận là do bà Thơm viết; từ dòng thứ 9 đến dòng thứ 12 là do chị Hương viết; từ dòng thứ 13 đến dòng thứ 16 là do bà Thơm viết. Về nội dung liên quan đến số tiền vay trên "Giấy biên nhận" bà Thơm viết từ dòng thứ 5 đến dòng thứ 8 thể hiện:"*tôi có cho chị Hương Tiến vay số tiền 2/7/2020 là 45.000.000 Bốn mươi lăm triệu vay thêm 23.000.000 Hai mươi ba triệu cộng 2 lần 68.000.000 sáu mươi tám triệu*"; chị Hương viết từ dòng thứ 9 đến dòng thứ 12: "*Ngày 1/7 tôi là Nguyễn Thị Hương có vay của bà Cương số tiền là 45 +23=68 triệu. Hẹn khi nào tôi hứa sẽ trả đầy đủ cho ông bà*". Cuối giấy biên nhận không có chữ ký của bên vay, bên cho vay. Bà Thơm và chị Hương đều công nhận là cùng viết các nội dung như trên vào "Giấy biên nhận". Chị Hương thừa nhận viết nội dung vay của bà Thơm nhưng khi ghi lại viết tên "vay của bà Cương" (do quen gọi theo tên chồng của bà Thơm là Cương). Về số tiền viết trên giấy vay hai bên đều ghi tổng số tiền vay là 68.000.000đ. Bà Thơm yêu cầu chị Hương trả số tiền nợ gốc đã vay, lãi suất bà thống nhất không yêu cầu. Chị Hương cho rằng chị viết 45 +23=68 triệu. Tuy trên giấy chị không ghi rõ tiền gốc, tiền lãi nhưng được hiểu 45.000.000đ là tiền nợ gốc; còn 23.000.000đ là tiền lãi. Chị đã trả hết nợ gốc, chỉ nợ tiền lãi nên chị không đồng ý số tiền nợ gốc như bà Thơm yêu cầu. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Thơm vẫn giữ nguyên nội dung đã trình bày và đề nghị; Đối với bị đơn, chị Hương cũng giữ nguyên nội dung trình bày; về tiền lãi: bà Thơm không yêu cầu chị Hương trả lãi tương ứng với số tiền nợ gốc bà đang yêu cầu giải quyết, chị cũng đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn.

* Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn: Theo giấy biên nhận, đề ngày 15/7/2020, số tiền bà cho chị Hương vay ngày 2/7/2020 là 45.000.000đ; vay thêm 23.000.000đ, cộng 2 lần là 68.000.000đ; về lãi suất: chỉ thỏa thuận miệng, không thỏa thuận trên giấy vay; về thời hạn: không ghi thời hạn trả chỉ thỏa thuận miệng khi nào cần thì báo trước. Tại giấy biên nhận không có chữ ký người vay và người cho vay.Khi cần bà Thơm yêu cầu chị Hương trả nợ nhưng chị Hương không có động thái gì. Bà Thơm yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Hương phải trả nợ số tiền gốc vay là 68.000.000đ; lãi suất: bà đồng ý cho chị Hương nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

[2] Xét yêu cầu của bị đơn: Chị Hương thống nhất có ghi trên giấy biên nhận cho bà Thơm, số tiền "45 +23=68 triệu". Tuy chị không ghi rõ 45 (là tiền gốc), 23 là tiền lãi, nhưng thực tế đó là tiền lãi và tiền gốc cộng dồn. Chị đã trả 2 lần cho bà Thơm đủ 45.000.000đ và chỉ còn nợ tiền lãi 23.000.000đ. Chị không đồng ý như yêu cầu khởi kiện của bà Thơm. Về lãi suất bà Thơm không yêu cầu chị trả, chị nhất trí như ý kiến bà Thơm.

[3] Xét việc vay và trả nợ của các đương sự:

[3.1]. Xét về thời điểm vay: Về thời điểm ghi trên giấy biên nhận đề ngày 15/7/2020, nhưng phần cho chị Hương vay bà Thơm ghi "2/7/2020" là 45.000.000đ, vay thêm 23.000.000đ (không ghi rõ ngày vay" nhưng tại đơn khởi kiện bà trình bày lần vay này vào 15/8/2020. Phần ghi của chị Hương "1/7/020 (tức năm 2020) vay 45 +23=68 triệu. Theo bà Thơm trình bày do trình độ có hạn nên bà ghi 15/7/2020 và ngày 2/7/2020 là ghi lịch dương. Ghi trên đơn khởi kiện bà ghi ngày 15/8/2020 dương lịch (tức là ngày 26/6/2020 âm lịch).Tuy thời gian các bên ghi chưa thống nhất nhưng các đương sự đều trình bày thống nhất các nội dung về: số tiền các lần vay; năm chốt vay nợ là 2020.

[3.2]. Về tiền nợ gốc: Trên cơ sở các đương sự trình bày, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về tổng số tiền vay chỉ ghi chung là 68.000.000đ, khi vay các bên đều cùng viết nội dung trên giấy biên nhận, không ghi tiền gốc và tiền lãi cụ thể; phần mục người vay và người cho vay: hai bên đều thống nhất là không ghi; không ghi thời hạn trả nợ

chỉ thỏa thuận miệng khi cần thì bà Thơm báo trước chị Hương. Ngoài ra, phần viết nội dung vay tiền của bà Thơm, chị Hương ghi là vay của bà Cương, nhưng chị Hương và bà Thơm đều thống nhất việc chị Hương ghi tên bà Cương là ghi tên của chồng bà Thơm, thực tế chị Hương vay và nhận tiền của bà Thơm. Nên việc vay tiền của chị Hương với bà Thơm là hoàn toàn thực tế. Bà Thơm yêu cầu chị Hương trả số tiền nợ gốc như trên, chị Hương không nhất trí với lý do số tiền chị viết chung như trên giấy biên nhận nghĩa là tiền gốc và tiền lãi cộng dồn chị Hương nợ bà Thơm.Về thời điểm trả nợ tiền gốc theo bản tự khai chị Hương trình bày trả 20.000.000đ vào tháng 5/2020; trả 25.000.000đ vào cuối năm 2020; theo lời trình bày tại biên bản hòa giải chị Hương trả 25.000.000đ vào tháng 12/2020, trả 20.000.000đ vào tháng 5/2021. Tuy chị Hương trình bày về thời điểm năm trả nợ còn chưa có sự thống nhất, nhưng tiền nợ gốc 45.000.000đ là chị cho rằng đã trả xong, không còn nợ tiền gốc của bà Thơm (không có giấy tờ thể hiện việc trả nợ) và chỉ còn nợ 23.000.000đ là tiền lãi. Tòa án đã yêu cầu chị Hương cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng hết thời hạn yêu cầu chị Hương không cung cấp được. Như vậy, yêu cầu của chị Hương nại ra còn nợ bà Thơm số tiền lãi, không còn nợ tiền gốc là không có cơ sở và căn cứ xem xét. Bà Thơm yêu cầu chị Hương phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 68.000.000đ theo giấy biên nhận đề ngày 15/7/2020 là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận xem xét.

[3.3].Về lãi suất: Bà Thơm không yêu cầu chị Hương phải trả lãi cho bà là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp thực tế nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hương phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (68.000.000đ x 5%) theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí kèm theo.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thơm. Buộc chị Nguyễn Thị Hương có nghĩa vụ trả cho bà Thơm số tiền nợ gốc là 68.000.000đ (*Sáu tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hương phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (DSST) là 3.400.000đ (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*).

3/ Quyền kháng cáo: Bà Thơm, chị Hương có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GĐ- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hà **Phạm Bá Luyến** **Lê Thị Huệ**